CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 2

Ngày 31/12/2025	7,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**-**

DT thuần
Q4/25
0.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01| 3.9%
YoY: ▲ 0.06| 61.7%

LN thuần
Q4/25
-0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08| -60.1%
YoY: ▲ 0.20| 46.6%

LN sau thuế
Q4/25
-0.39
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.21| -115%
YoY: ▲ 0.03| 7.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-282%
YoY: +/-▼ 75.3%

ROE
2025
-114%
YoY: +/-▼ 67.0%

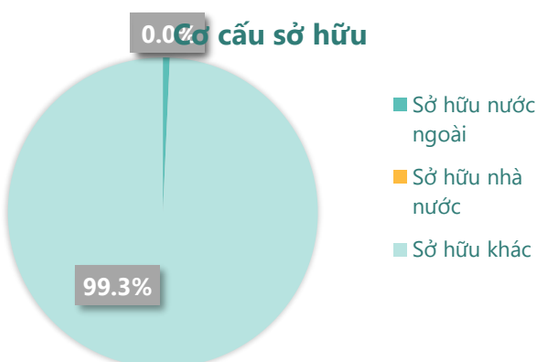
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,800 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15
Số lượng CPLH (CP)	2,098,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.05
EPS	-770
P/E	-9.2

DT thuần
2025
0.57
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.09| -13.7%

LN thuần
2025
-1.41
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.04| -3.3%

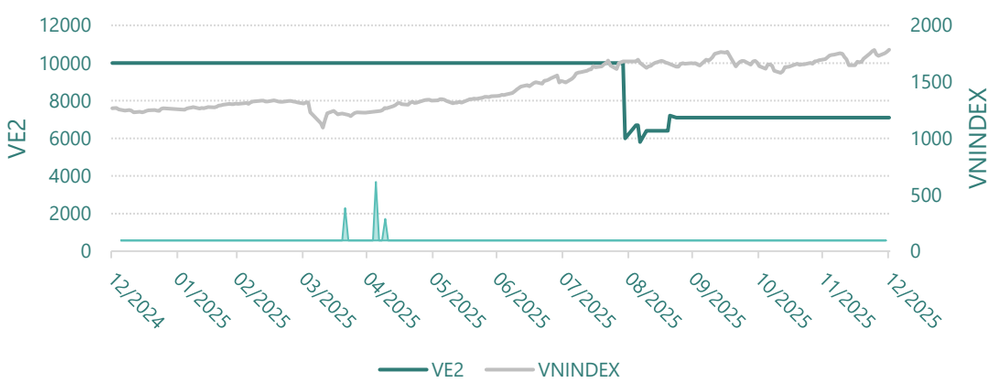
LN sau thuế
2025
-1.62
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.25| -17.7%

Cơ cấu sở hữu

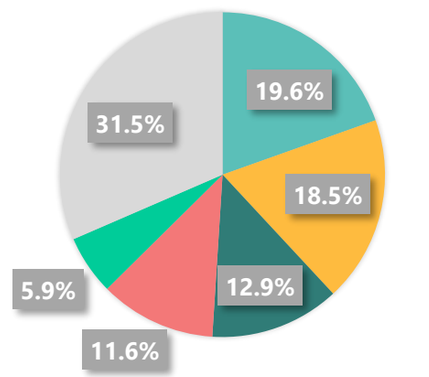


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

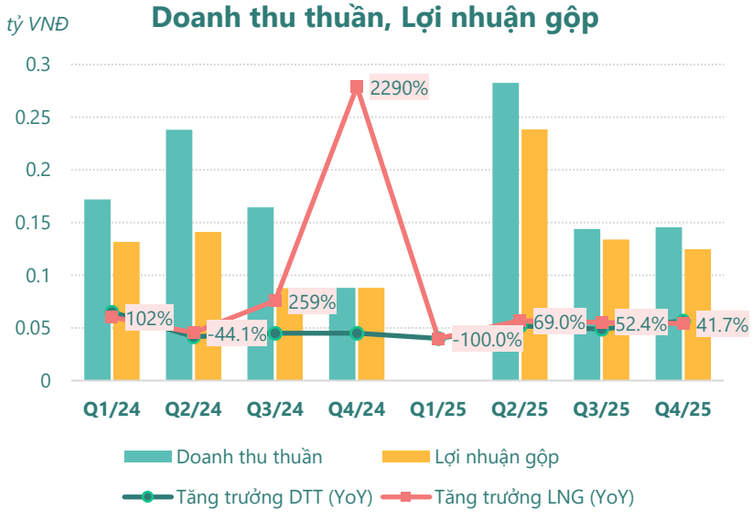


- Phan Thúy Phương (Thành viên HĐQT)
- Chung Việt Hà (Trưởng ban kiểm soát)
- Khuất Văn Đăng
- Lê Minh Đức (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Đậu Thảo
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

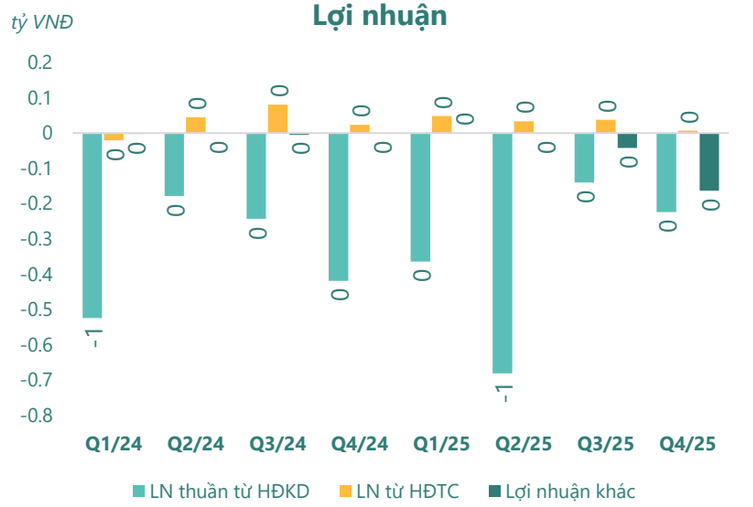
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



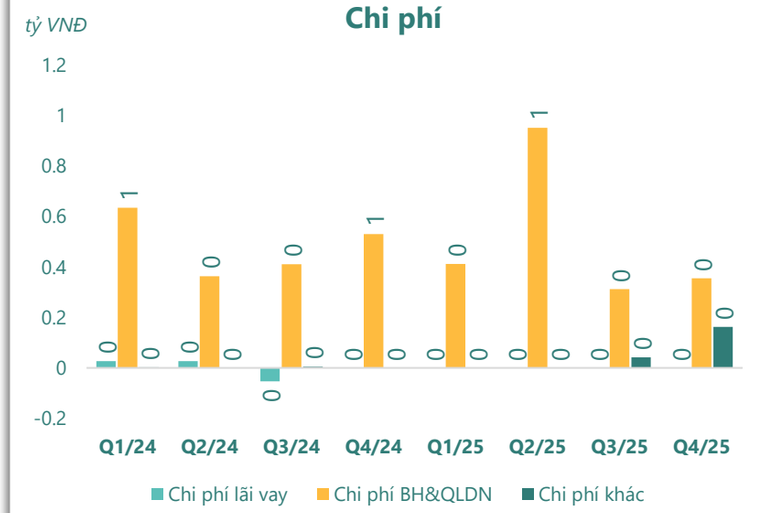
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



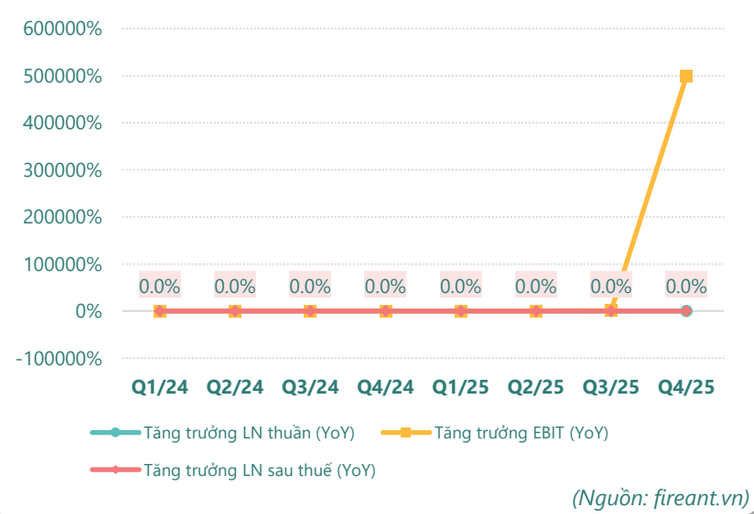
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



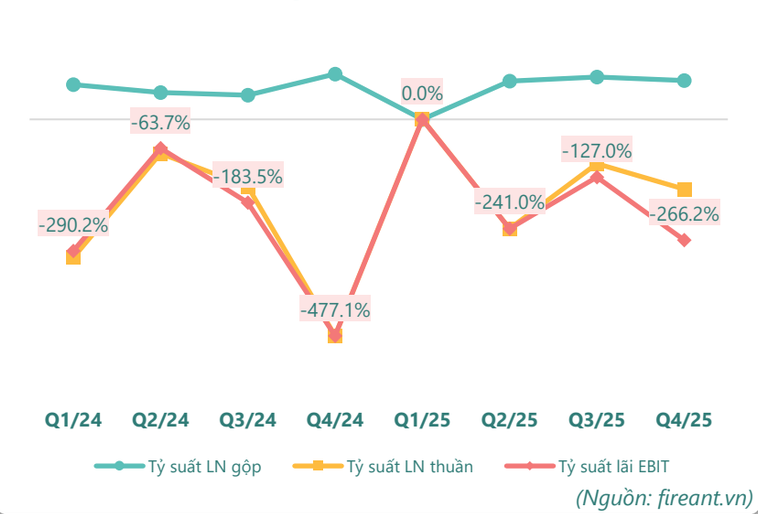
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



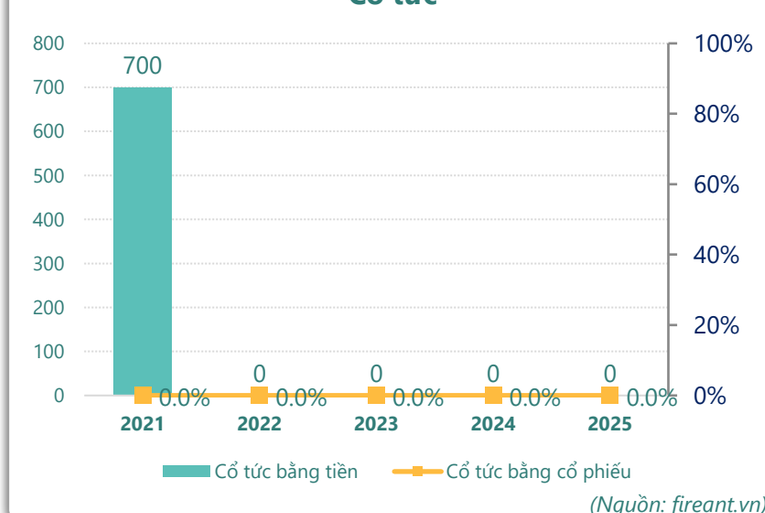
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

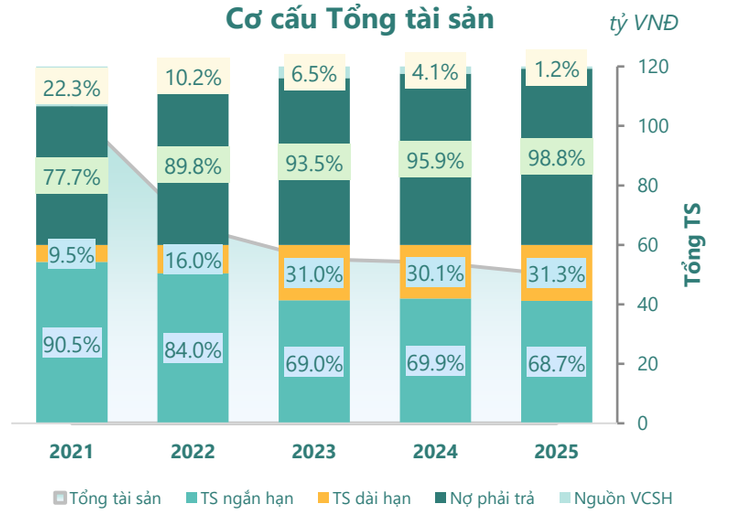
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

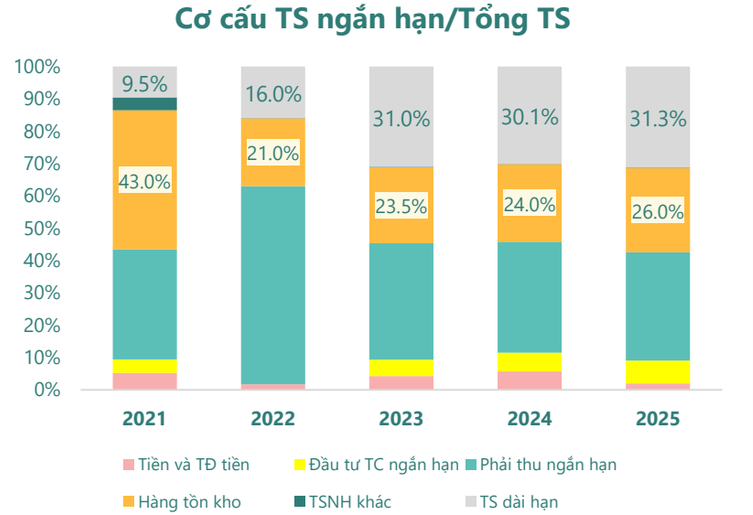
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



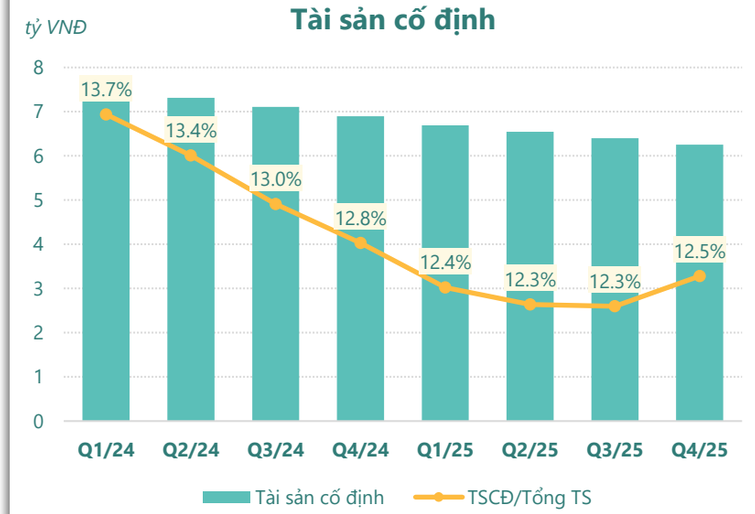
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



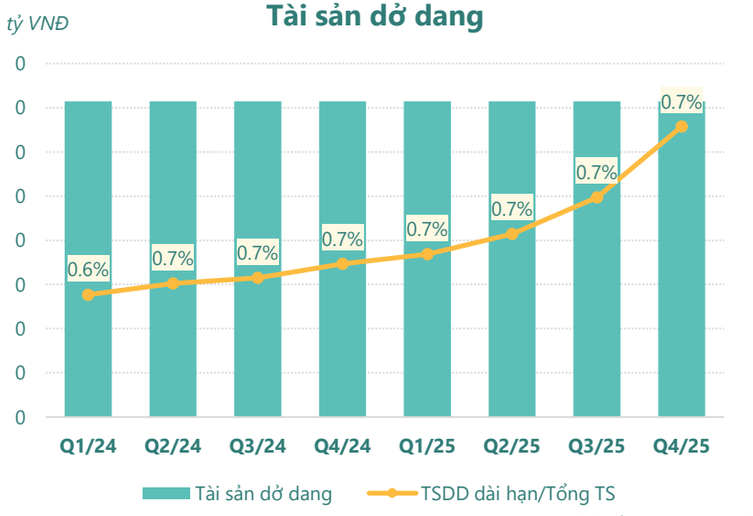
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



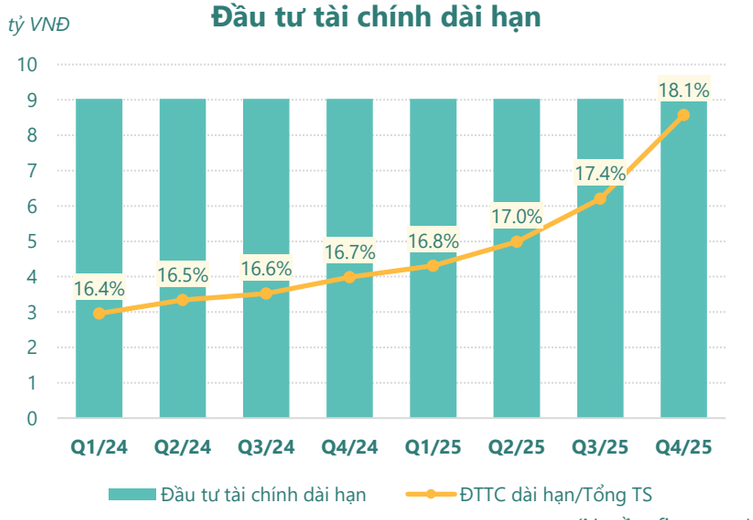
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



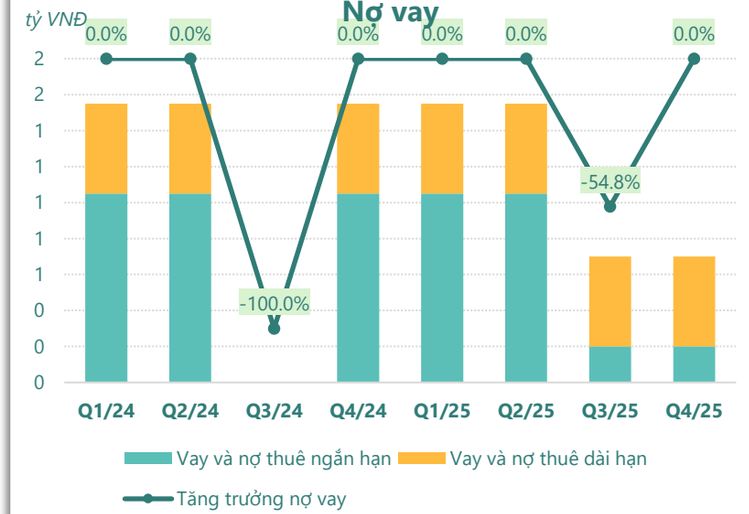
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

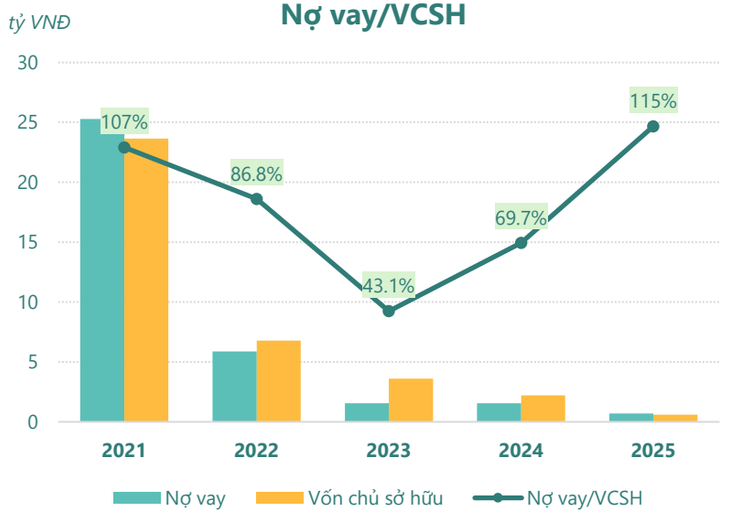
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



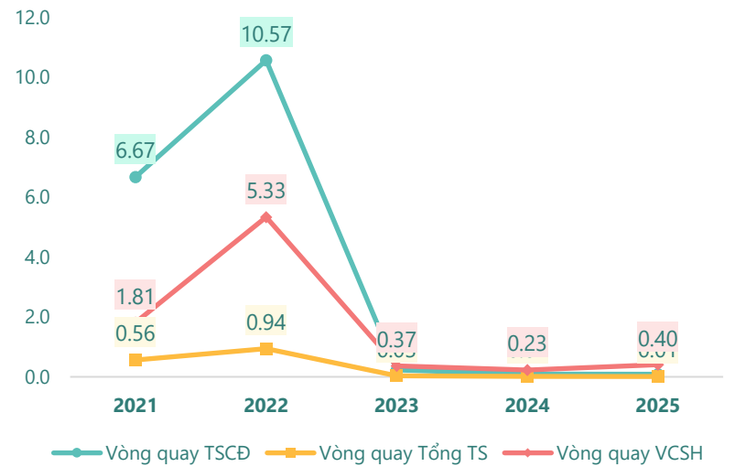
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



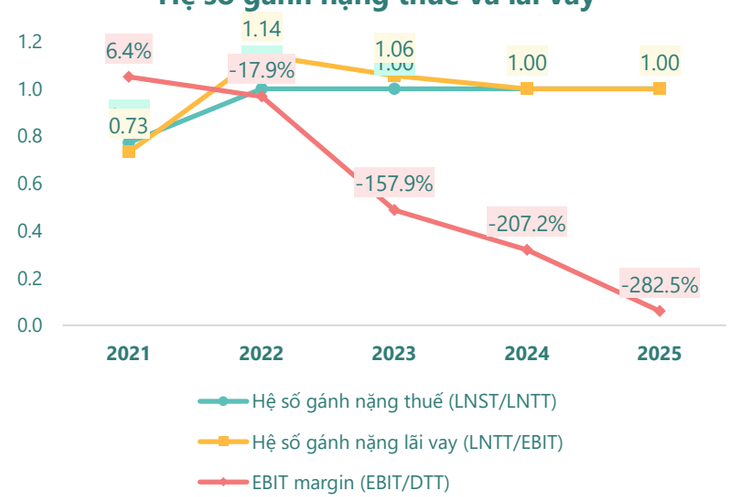
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



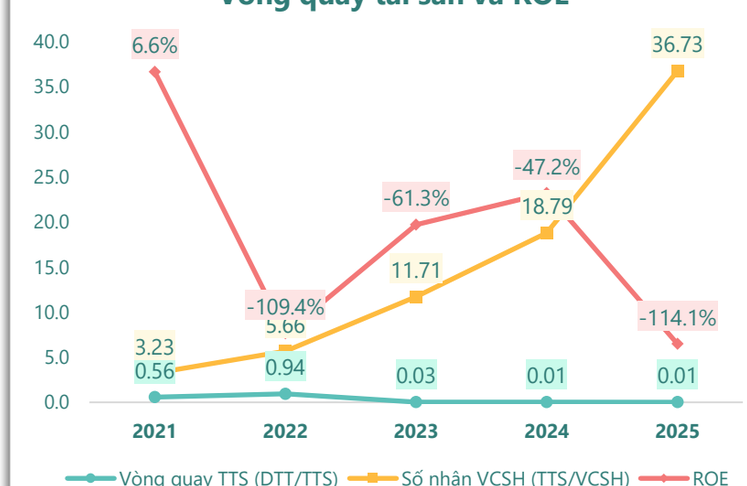
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



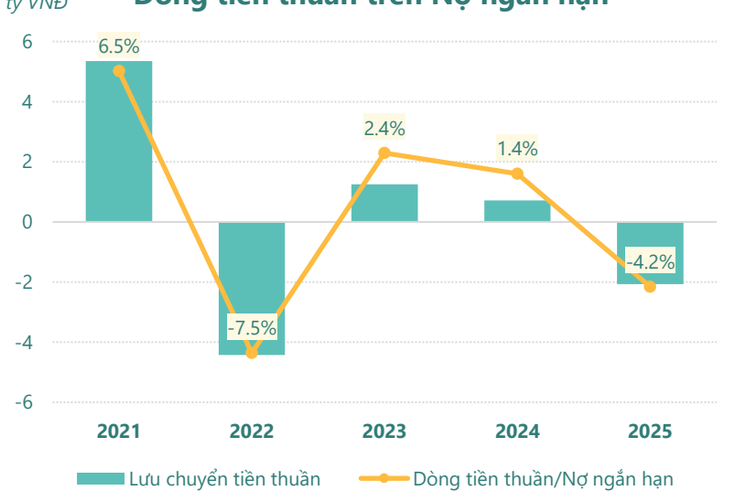
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.15**	**0.09**	**61.7%**	**0.57**	**0.66**	**-13.7%**
Giá vốn hàng bán	0.02	0.00		0.08	0.21	-64.9%
Lợi nhuận gộp	0.12	0.09	38.4%	0.50	0.45	10.8%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.02	-63.8%	0.13	0.13	-1.6%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.00	0.00	39.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.36**	**0.53**	**-32.8%**	**2.03**	**1.94**	**4.7%**
LN thuần từ HĐKD	-0.22	-0.42	46.6%	-1.41	-1.37	-3.3%
Lợi nhuận khác	**-0.16**	**0.00**		**-0.21**	**-0.01**	**-2834%**
LN trước thuế	-0.39	-0.42	7.8%	-1.62	-1.37	-17.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.39**	**-0.42**	**7.8%**	**-1.62**	**-1.37**	**-17.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.39**	**-0.42**	**7.8%**	**-1.62**	**-1.37**	**-17.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.41	0.82	-0.17	-0.67	-0.86	-0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.33	0.08	-0.98	-0.02	1.60	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-0.85	0
Tiền đầu kỳ	2.09	2.17	3.07	1.93	1.24	1.13
Lưu chuyển tiền thuần	**0.08**	**0.91**	**-1.15**	**-0.69**	**-0.11**	**-0.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.17	3.07	1.93	1.24	1.13	1.01

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**49.9**	**54.1**	**-7.6%**
Tài sản ngắn hạn	34.3	37.8	-9.2%
Tiền và tương đương tiền	1.01	3.07	-67.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.50	3.15	11.1%
Phải thu ngắn hạn	16.7	18.5	-9.7%
Hàng tồn kho	13.0	13.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.03	141%
Tài sản dài hạn	**15.6**	**16.3**	**-4.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.26	6.90	-9.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.36	0.36	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.03	9.03	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.01**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	49.3	51.8	-4.8%
Nợ ngắn hạn	**48.7**	**51.2**	**-4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.20	1.05	-81.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.37	10.0	-16.7%
Nợ dài hạn	0.62	0.62	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0.61**	**2.22**	**-72.7%**
Vốn chủ sở hữu	**0.61**	**2.22**	**-72.7%**
Vốn điều lệ	21.6	21.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)